

PTN/Số: HA.26.10372

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**

524 Đường Hùng Vương, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

2. Địa điểm lấy mẫu: **TRẠM HÒA NINH-THÔN 3 ĐÌNH TRẠNG HÒA-XÃ HÒA NINH**

3. Loại mẫu: Nước sạch

Mã số mẫu	Thông tin mẫu	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.26.10372	Nước sạch	Khách hàng gửi mẫu	Trong

4. Ngày nhận mẫu: 08/09/2026

Thời gian thử nghiệm: 08/09/2026-23/09/2026

5. Ngày trả kết quả: 23/09/2026

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCĐP 01-2023 /LD
				HA.26.10372	
1.	pH ^(a)	--	TCVN 6492:2011	7,2	6,0 - 8,5
2.	Màu sắc ^(a)	Pt – Co	TCVN 6185:2015	<3	15
3.	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 6184:1996	KPH (LOD=0)	2
4.	Clor tự do ^(a)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,54	0,2 - 1,0
5.	As ^(a)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
6.	E.Coli ^(a)	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014	KPH (LOD=1)	<1
7.	Coliform ^(a)	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014	KPH (LOD=1)	<3

Ghi chú: ^(a) : Chi tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: không phát hiện

QCĐP 01:2023/LĐ - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu

Phòng Thử Nghiệm

ThS. Tạ Duy Phương

Giám Đốc Kỹ Thuật

Thái Lê Nguyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 346 / 2026
Mã số mẫu: N.26.295

Tên đơn vị gửi mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**
Địa chỉ: Số 524 đường Hùng Vương, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng
Ngày nhận mẫu: 25 / 9 / 2026
Địa điểm lấy mẫu: **Trạm Hòa Ninh – Thôn 3 Đình Trang Hòa, xã Hòa Ninh, tỉnh Lâm Đồng**
Tên mẫu: Nước máy
Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng, đựng trong chai nhựa 0,5 lít kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.
Thời gian phân tích: Từ ngày 25 / 9 / 2026 đến ngày 28 / 9 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Mùi vị	SMEWW 2150B:2023; SMEWW 2160B:2023	/	Không mùi, vị	Không phát hiện mùi; không phát hiện vị

Kết luận:

Mẫu nước trên có chỉ tiêu thử nghiệm Mùi vị không giới hạn cho phép theo QCVN 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

**KHOA XÉT NGHIỆM - CHẨN
ĐOÁN HÌNH ẢNH - THĂM
DÒ CHỨC NĂNG**

Phan Văn Kiên

Ngày 29 tháng 9 năm 2026



PHÒNG KHÁM BÁC HỒ

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
- Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PTN/Số: HA.26.10375

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**

524 Đường Hùng Vương, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

2. Địa điểm lấy mẫu: **90A THÔN 2A ĐÌNH TRANG HÒA-XÃ HÒA NINH**

3. Loại mẫu: Nước sạch

Mã số mẫu	Thông tin mẫu	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.26.10375	Nước sạch	Khách hàng gửi mẫu	Trong

4. Ngày nhận mẫu: 08/09/2026

Thời gian thử nghiệm: 08/09/2026-23/09/2026

5. Ngày trả kết quả: 23/09/2026

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCDP 01-2023 /LD
				HA.26.10375	
1.	pH ^(a)	--	TCVN 6492:2011	7,4	6,0 - 8,5
2.	Màu sắc ^(a)	Pt - Co	TCVN 6185:2015	4	15
3.	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 6184:1996	KPH (LOD=0)	2
4.	Clor tự do ^(a)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,92	0,2 - 1,0
5.	As ^(a)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
6.	E.Coli ^(a)	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014	KPH (LOD=1)	<1
7.	Coliform ^(a)	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014	KPH (LOD=1)	<3

Ghi chú: ^(a) : Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: không phát hiện

QCDP 01:2023/LD - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu

Phòng Thử Nghiệm**ThS. Tạ Duy Phụng****Giám Đốc Kỹ Thuật****Thái Lê Nguyên**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 348 / 2026
Mã số mẫu: N.26.297

Tên đơn vị gửi mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**

Địa chỉ: Số 524 đường Hùng Vương, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 25 / 9 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **90A Thôn 2A Đình Trang Hòa, xã Hòa Ninh, tỉnh Lâm Đồng**

Tên mẫu: Nước máy

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng, đựng trong chai nhựa 0,5 lít kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 25 / 9 / 2026 đến ngày 28 / 9 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Mùi vị	SMEWW 2150B:2023; SMEWW 2160B:2023	/	Không mùi, vị	Không phát hiện mùi; không phát hiện vị

Kết luận:

Mẫu nước trên có chỉ tiêu thử nghiệm Mùi vị không giới hạn cho phép theo QCDP 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

**KHOA XÉT NGHIỆM - CHẨN
ĐOÁN HÌNH ẢNH - THĂM
DÒ CHỨC NĂNG**



Phan Văn Kiên

Ngày 29 tháng 9 năm 2026
GIÁM ĐỐC



PHUNG XUAN BACH

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng

3. Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).

4. Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

PTN/Số: HA.26.10373

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**

524 Đường Hùng Vương, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

2. Địa điểm lấy mẫu: **29 ĐỒNG LẠC 1-XÃ BẢO THUẬN**

3. Loại mẫu: Nước sạch

Mã số mẫu	Thông tin mẫu	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.26.10373	Nước sạch	Khách hàng gửi mẫu	Trong

4. Ngày nhận mẫu: 08/09/2026

Thời gian thử nghiệm: 08/09/2026-23/09/2026

5. Ngày trả kết quả: 23/09/2026

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCĐP 01-2023 /LĐ
				HA.26.10373	
1.	pH ^(a)	--	TCVN 6492:2011	7,4	6,0 - 8,5
2.	Màu sắc ^(a)	Pt – Co	TCVN 6185:2015	6	15
3.	Độ đục ^(a)	NTU	TCVN 6184:1996	KPH (LOD=0)	2
4.	Clor tự do ^(a)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,78	0,2 - 1,0
5.	As ^(a)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,01
6.	E.Coli ^(a)	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014	KPH (LOD=1)	<1
7.	Coliform ^(a)	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014	KPH (LOD=1)	<3

Ghi chú: ^(a) : Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: không phát hiện

QCĐP 01:2023/LĐ - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu

Phòng Thử Nghiệm

ThS. Tạ Duy Phương

Giám Đốc Kỹ Thuật
Thái Lê Nguyên

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

SỞ Y TẾ LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

54 Phạm Ngọc Thạch, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
☎: 02633816865, Fax: 02633827512, email: nhanmaudp@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 347 / 2026
Mã số mẫu: N.26.296

Tên đơn vị gửi mẫu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**

Địa chỉ: Số 524 đường Hùng Vương, xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

Ngày nhận mẫu: 25 / 9 / 2026

Địa điểm lấy mẫu: **29 Đồng Lạc 1, xã Bảo Thuận, tỉnh Lâm Đồng**

Tên mẫu: Nước máy

Tình trạng mẫu: Mẫu dạng lỏng, đựng trong chai nhựa 0,5 lít kín, không có màu đục, bảo quản nhiệt độ thường.

Thời gian phân tích: Từ ngày 25 / 9 / 2026 đến ngày 28 / 9 / 2026.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa	Kết quả
1	Mùi vị	SMEWW 2150B:2023; SMEWW 2160B:2023	/	Không mùi, vị	Không phát hiện mùi; không phát hiện vị

Kết luận:

Mẫu nước trên có chỉ tiêu thử nghiệm Mùi vị không giới hạn cho phép theo QCVN 1:2023/LĐ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, ban hành theo Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

**KHOA XÉT NGHIỆM - CHẨN
ĐOÁN HÌNH ẢNH - THẨM
DÒ CHỨC NĂNG**

Phan Văn Kiên

Ngày 29 tháng 9 năm 2026

**GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PHÙNG XUÂN BÁCH

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng
- Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*); thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**).
- Tên mẫu và tên đơn vị gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**

Địa chỉ: Số 524 đường Hùng Vương, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

Tên mẫu: Nước sạch lấy tại ĐÀI 500 - ĐƯỜNG NGUYỄN HUỆ - XÃ DI LINH - TỈNH LÂM ĐỒNG

Tình trạng mẫu: Mẫu nước, chứa trong chai kín bên ngoài có ghi thông tin mẫu

Ngày nhận mẫu: 28/09/2026 Thời gian thử nghiệm: 28/09 - 03/10/2026

Ngày trả kết quả: 03/10/2026

Kết quả: Xem trang 2/2

Kết luận: Mẫu nước có các chỉ tiêu đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng QCDP 01:2023/LĐ, ngày 05/09/2023

Phụ trách chất lượng



Nguyễn Thị Thi

Phó Giám Đốc



Nguyễn Kim Liễu

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.
- Không được tự ý sửa đổi Phiếu kết quả thử nghiệm dưới bất cứ hình thức nào/ Do not modify the test report under any circumstances.
- Không được trích dẫn một phần Phiếu kết quả thử nghiệm trong các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích/
Do not cite any part of the test report in any activities that may cause conflict in interests.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.
- (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2017/ (*): Parameters are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
- KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện / ND: Not Detected. LOD: Limit of detection
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, kết quả được biểu thị "< 10 CFU/g" hoặc "< 1 CFU/mL" hoặc "< 10 CFU/mẫu" được xem như không phát hiện /
For microbiological analyte, the results were expressed "< 10 CFU/g" or "< 1 CFU/mL" or "< 10 CFU/sample" can be considered as not detection.



STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCĐP 01:2023/LĐ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	Coliforms	CFU/100mL	0	<3	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016 (*)
2	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100mL	0	<1	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016 (*)
3	Arsen (As)	mg/L	KPH (LOD=0.0003)	0.01	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
4	Clo dư	mg/L	0.37 (<LOQ=0.80)	0.2 - 1.0	TCVN 6225-3:2011 (*)
5	Độ đục	NTU	KPH (LOD=0.30)	2	KN/QTH370 (2023) (Ref. SMEWW 2130B: 2023) (*)
6	Màu sắc	TCU	KPH (LOD=5.00)	15	TCVN 6185:2015 (*)
7	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	KN/QTH334 (2023) (Ref. TCVN 2653:1978)
8	pH	-	7.69	6.0 - 8.5	TCVN 6492:2011 (*)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**

Địa chỉ: Số 524 đường Hùng Vương, Xã Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng

Tên mẫu: **Nước sạch lấy tại 72 THÔN LIÊN ĐÀM 2 - XÃ DI LINH - TỈNH LÂM ĐỒNG**

Tình trạng mẫu: Mẫu nước, chứa trong chai kín bên ngoài có ghi thông tin mẫu

Ngày nhận mẫu: 28/09/2026

Thời gian thử nghiệm: 28/09 - 03/10/2026

Ngày trả kết quả: 03/10/2026

Kết quả: Xem trang 2/2

Kết luận: Mẫu nước có các chỉ tiêu đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng QCDP 01:2023/LĐ, ngày 05/09/2023

Phụ trách chất lượng



Nguyễn Thị Thi

Phó Giám Đốc



CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DỊCH VỤ
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ
KHUÊ NAM

Nguyễn Kim Liễu

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.
- Không được tự ý sửa đổi Phiếu kết quả thử nghiệm dưới bất cứ hình thức nào/ Do not modify the test report under any circumstances.
- Không được trích dẫn một phần Phiếu kết quả thử nghiệm trong các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích/
Do not cite any part of the test report in any activities that may cause conflict in interests.
- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.
- (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2017/ (*): Parameters are accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017)
- KPH: không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện / ND: Not Detected. LOD: Limit of detection
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, kết quả được biểu thị "< 10 CFU/g" hoặc "< 1 CFU/mL" hoặc "< 10 CFU/mẫu" được xem như không phát hiện /
For microbiological analyte, the results were expressed "< 10 CFU/g" or "< 1 CFU/mL" or "< 10 CFU/sample" can be considered as not detection.



Số: 2610249/KQKN

Mã số: 26091018-2

Trang 2/2

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	QCĐP 01:2023/LĐ	PHƯƠNG PHÁP THỬ
1	Coliforms	CFU/100mL	0	<3	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016 (*)
2	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100mL	0	<1	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016 (*)
3	Arsen (As)	mg/L	KPH (LOD=0.0003)	0.01	KN/QTH501 (2023) (Ref. US EPA Method 200.8, 1994) (*)
4	Clo dư	mg/L	0.46 (<LOQ=0.80)	0.2 - 1.0	TCVN 6225-3:2011 (*)
5	Độ đục	NTU	KPH (LOD=0.30)	2	KN/QTH370 (2023) (Ref. SMEWW 2130B: 2023) (*)
6	Màu sắc	TCU	KPH (LOD=5.00)	15	TCVN 6185:2015 (*)
7	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	KN/QTH334 (2023) (Ref. TCVN 2653:1978)
8	pH	-	7.66	6.0 - 8.5	TCVN 6492:2011 (*)